

Họ và tên:

Mã đề thi: 0701

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Ngành công nghiệp dệt, may phát triển ở vùng Đồng bằng sông Hồng chủ yếu dựa trên thế mạnh nào sau đây?

- A. Thu hút nhiều vốn đầu tư, lao động có trình độ cao.
- B. Lao động có kinh nghiệm, lịch sử khai thác lâu đời.
- C. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- D. Nguyên liệu tại chỗ dồi dào, cơ sở vật chất hiện đại.

Câu 2: Vùng đứng đầu về sản lượng cao su nước ta hiện nay là

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 3: Loại đất chủ yếu ở vùng đồi núi nước ta là

- A. đất phù sa.
- B. đất feralit.
- C. đất mùn thô.
- D. đất nâu xám.

Câu 4: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao mức sống, thúc đẩy việc xuất khẩu.
- B. khai thác tốt tiềm năng, tạo sản lượng lớn, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- C. tạo ra tập quán tiêu dùng mới, ổn định đời sống, đẩy mạnh xuất khẩu.
- D. phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, nâng cao chất lượng, tăng giá trị.

Câu 5: Địa điểm du lịch nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Phú Quốc.
- B. Đà Lạt.
- C. Nha Trang.
- D. Sầm Sơn.

Câu 6: Cây cà phê ở nước ta hiện nay

- A. phân bố đều ở tất cả các vùng.
- B. làm nguồn thức ăn chăn nuôi.
- C. chỉ phục vụ nhu cầu trong nước.
- D. được trồng theo hướng tập trung.

Câu 7: Nước ta có gió Tín phong hoạt động là do

- A. giao thoa với nhiều hệ thống tự nhiên.
- B. tiếp giáp với Biển Đông rộng lớn.
- C. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến.
- D. nằm trong khu vực gió mùa Châu Á.

Câu 8: Các nhân tố chủ yếu tạo nên sự khác nhau về tự nhiên giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. vị trí địa lí, hoàn lưu khí quyển và địa hình.
- B. gió mùa, hướng địa hình và dải hội tụ nhiệt đới.
- C. địa hình, hoạt động của gió mùa và vị trí địa lí.
- D. gió mùa Tây Nam, gió Tín phong và địa hình.

Câu 9: Dân cư ở miền núi nước ta hiện nay

- A. chiếm phần lớn dân số cả nước.
- B. có nhiều dân tộc khác nhau.
- C. có mật độ dân số rất cao.
- D. chỉ sản xuất nông nghiệp.

Câu 10: Thuận lợi chủ yếu của vùng Nam Trung Bộ để phát triển thủy điện là

- A. có nhiều cao nguyên bằng phẳng, sông với lưu lượng nước lớn.
- B. khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt cao, mưa lớn phân mùa rõ rệt.
- C. có các hệ thống sông với lưu lượng nước lớn, địa hình phân bậc.
- D. tài nguyên rừng giàu có, khí hậu cận xích đạo mưa lớn quanh năm.

Câu 11: Ngành trồng trọt nước ta hiện nay

- A. đạt hiệu quả cao và ổn định.
- B. cây lương thực có tỉ trọng thấp.
- C. có cơ cấu cây trồng đa dạng.
- D. chủ yếu trồng cây công nghiệp.

Câu 12: Các khu nông nghiệp công nghệ cao ở nước ta phân bố chủ yếu ở

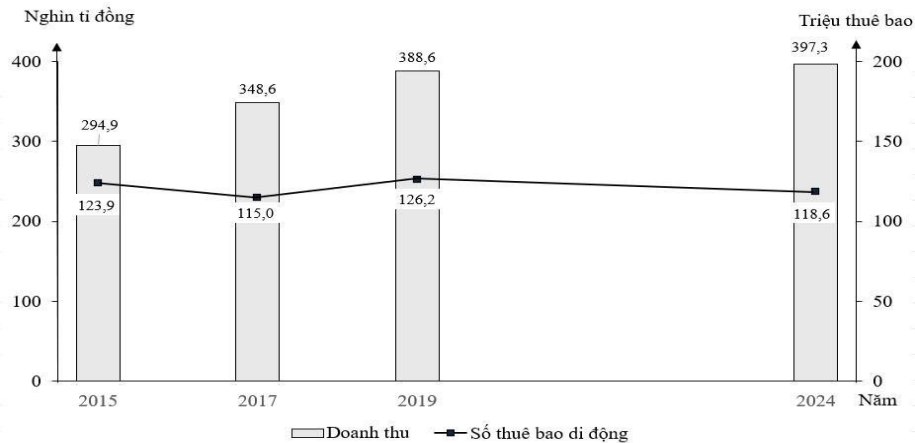
- A. những khu vực đồi núi, cao nguyên rộng lớn.
- B. khu vực ít dân cư, lịch sử cư trú lâu đời.
- C. các đồng bằng ven biển, vùng gò đồi thấp.
- D. vùng có điều kiện sinh thái, cơ sở hạ tầng tốt.

Câu 13: Sự tăng nhanh tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu kinh tế của nước ta là biểu hiện của

- A. chuyển dịch cơ cấu theo thành phần.
C. chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ.

- B. chuyển dịch cơ cấu theo ngành.
D. quá trình liên kết nông - công nghiệp.

Câu 14: Cho biểu đồ sau:



Tình hình phát triển ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2015 - 2024

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2025; Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Năm 2024 so với năm 2017, số thuê bao di động giảm 3,6 triệu thuê bao.
B. Từ năm 2015 – 2024, ngành bưu chính viễn thông có doanh thu tăng không liên tục.
C. Từ năm 2015 – 2024, ngành bưu chính viễn thông có số thuê bao di động tăng liên tục.
D. Năm 2024 so với năm 2017, doanh thu bưu chính viễn thông tăng hơn 1,3 lần.

Câu 15: Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay có thể mạnh để

- A. trồng cây vụ đông.
C. chuyên canh cà phê.

- B. khai thác than đá.
D. chăn nuôi gia cầm.

Câu 16: Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là

- A. phát huy thế mạnh, tạo sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
B. tạo nhiều nông sản, bảo vệ tài nguyên, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế.
C. tạo ra sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất, nâng cao vị thế của ngành.
D. thu hút nguồn vốn đầu tư, mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.

Câu 17: Đặc điểm của đô thị nước ta hiện nay là

- A. số dân thành thị tăng.
C. đều có quy mô rất lớn.

- B. cơ sở hạ tầng rất hiện đại.
D. phân bố chủ yếu miền núi.

Câu 18: Tác động tích cực của làng nghề đến kinh tế ở địa phương là

- A. góp phần bảo tồn văn hóa dân tộc.
C. tạo nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.

- B. tận dụng tài nguyên thiên nhiên tại chỗ.
D. thúc đẩy đô thị hóa khu vực nông thôn.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Đất feralit ở nước ta được hình thành trong các điều kiện: nhiệt độ cao, lượng mưa lớn, có sự phân mùa mưa – khô, địa hình đồi núi thấp,... Các loại đất feralit ở nước ta khá đa dạng: đất feralit trên đá ba-zan, đất feralit trên đá vôi và đất feralit trên các loại đá khác... Nhìn chung các loại đất feralit đều có đặc điểm: tầng đất dày, chua, nghèo mùn, có màu đỏ vàng và thích hợp với một số cây trồng nhiệt đới.

- a) Đất feralit có màu đỏ vàng do nước ta có mưa lớn làm rửa trôi các chất ba-dơ dễ tan.
b) Nhân tố vị trí địa lý, sự phân hóa khí hậu và phân bậc địa hình là nguyên nhân chính tạo ra sự đa dạng về loại đất feralit của nước ta.
c) Feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta.
d) Đây là loại đất rất thích hợp cho trồng các cây nhiệt đới như lúa gạo, lạc, khoai lang.

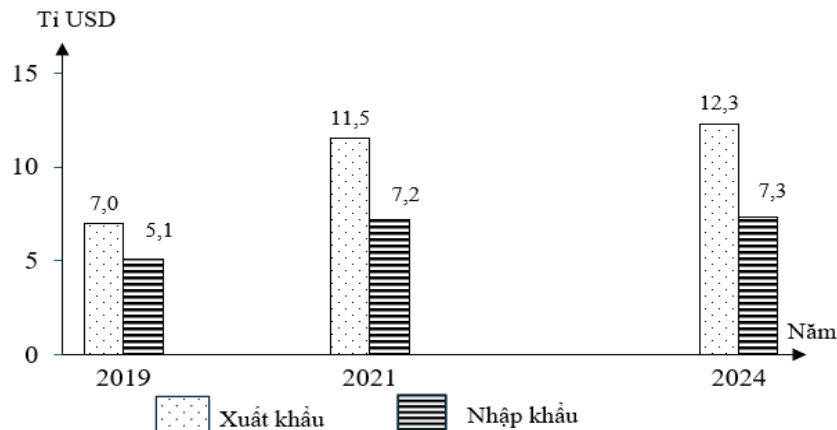
Câu 2: Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển ngành sản xuất điện nên sản lượng tăng nhanh, nhiều nhà máy điện lớn đi vào hoạt động. Theo hiệp hội năng lượng Việt Nam, năm 2024, trong cơ cấu sản lượng điện thì nhiệt điện chiếm 42,9%, thủy điện 27,9% , điện tái tạo khác trên 27%. Cơ cấu nguồn điện ngày

càng đa dạng trong đó sự xuất hiện và tăng nhanh của điện tái tạo mang lại nhiều ý nghĩa tích cực cho sản xuất và môi trường.

- a) Phát triển năng lượng tái tạo góp phần khai thác tốt thế mạnh, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm ô nhiễm môi trường.
- b) Hiện nay, các nguồn năng lượng điện tái tạo đang được sử dụng ở nước ta gồm điện gió, điện mặt trời, điện rác thải...
- c) Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tiềm năng phát triển thủy điện do có nhiều sông lớn chảy qua, lượng nước lớn nhưng chưa được khai thác.
- d) Nhiệt điện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta do có nhiều nhà máy công suất lớn như Sơn La, Hòa Bình, Trị An...

Câu 3: Cho biểu đồ sau:



Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nây, giai đoạn 2019 - 2024

(Nguồn: ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Biểu đồ trên thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá xuất, nhập khẩu của Bru-nây, giai đoạn 2019 – 2024.
- b) Năm 2024 so với năm 2019, trị giá xuất khẩu của Bru-nây tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu.
- c) Năm 2024 so với năm 2019, tổng trị giá xuất nhập khẩu của Bru-nây tăng thêm 8,5 tỉ USD.
- d) Năm 2019 và năm 2021, Bru-nây có cán cân xuất nhập khẩu dương.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Vùng là món quà của các dòng sông và có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời ở nước ta. Nơi đây dân cư tập trung đông, mật độ dân số cao nhất và nhiều tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp. Vùng đang chú trọng các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ cao, vừa đẩy mạnh các ngành dựa vào lợi thế tự nhiên và lao động nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao, hướng đến phát triển bền vững.

- a) Giải pháp để phát triển công nghiệp hiệu quả cho vùng là thu hút vốn đầu tư, tăng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.
- b) Ngành dệt, may và chế biến lương thực là các ngành truyền thống của vùng.
- c) Thông tin trên nói về vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng.
- d) Công nghiệp điện tử, máy vi tính phát triển mạnh chủ yếu do vùng có lao động đông, thị trường tiêu thụ ổn định, cơ sở hạ tầng tốt nhất cả nước.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Năm 2024, tổng diện tích cả phê của nước ta là 731,9 nghìn ha, trong đó Nam Trung Bộ là 678,8 nghìn ha. Hãy cho biết tỉ trọng diện tích cả phê của Nam Trung Bộ so với cả nước năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Năm 2024, số dân nước ta là 101,34 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 38,49 %. Hãy cho biết số dân

nông thôn nước ta năm 2024 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu nước ta năm 2010 và 2023.

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2010	2023
Xuất khẩu	72236,7	354721,0
Nhập khẩu	84838,6	326357,9

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, 2024; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu của nước ta năm 2023 lớn hơn năm 2010 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Đà Nẵng, năm 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	23,0	24,4	25,9	28,8	29,6	30,8	29,7	30,3	29,2	26,5	25,6	22,4

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam năm 2024; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình của năm 2024 tại trạm quan trắc Đà Nẵng là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng trong năm 2024 tại Vinh (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	10,5	32,1	55,2	14,2	150,1	60,2	224,0	22,2	882,5	403,2	148,5	43,4

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam năm 2024; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lượng mưa các tháng từ 100 mm trở lên tại Vinh năm 2024 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Tổng số trang trại và số trang trại chăn nuôi của nước ta năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: trang trại)

Năm	2020	2024
Tổng số trang trại	23680	26111
Số trang trại chăn nuôi	13752	14256

(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2025; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỷ trọng số lượng trang trại chăn nuôi trong tổng số trang trại của nước ta năm 2024 so với năm 2020 giảm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	C	A	B	D	D	D	C	A	B	C	C	D	A	D	D	A	A	C

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu	a	b	c	d
1	S	S	Đ	S
2	Đ	Đ	S	S
3	S	Đ	S	Đ
4	Đ	Đ	Đ	S

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	92,7	62,3	23,5	8,4	1808	3,5

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu 1. Đáp án C

Ngành công nghiệp dệt, may phát triển ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu dựa trên thế mạnh nào?

- Dệt may là ngành cần rất nhiều lao động.
- Đồng bằng sông Hồng có **nguồn lao động dồi dào**, tập trung đông dân.
- Đây cũng là vùng có **thị trường tiêu thụ rộng lớn**, mức độ đô thị hóa cao, mạng lưới giao thông và tiêu thụ thuận lợi.

Loại trừ:

- A sai vì dệt may không chủ yếu dựa vào lao động trình độ cao.
- B sai vì “lịch sử khai thác lâu đời” không phải thế mạnh chính của ngành dệt may.
- D sai vì dệt may không phụ thuộc chủ yếu vào nguyên liệu tại chỗ.

Chọn C.

Câu 2. Đáp án A

Vùng đứng đầu về sản lượng cao su nước ta hiện nay là

- Cao su là cây công nghiệp lâu năm phát triển mạnh nhất ở **Đông Nam Bộ**.
- Vùng này có đất badan rộng, khí hậu cận xích đạo phù hợp, nhiều cơ sở chế biến.

Chọn A.

Câu 3. Đáp án B

Loại đất chủ yếu ở vùng đồi núi nước ta là

- Ở vùng đồi núi, loại đất phổ biến nhất là **đất feralit**.
- Đất này hình thành trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, quá trình phong hóa mạnh.

Loại trừ:

- Đất phù sa chủ yếu ở đồng bằng.
- Đất mùn thô chỉ có ở núi cao.
- Đất nâu xám không phải loại chủ yếu của toàn bộ vùng đồi núi.

Chọn B.

Câu 4. Đáp án D

Ý nghĩa chủ yếu của phát triển cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở Trung du và miền núi phía Bắc là

- Gắn sản xuất cây công nghiệp với chế biến sẽ:
 - o nâng cao giá trị sản phẩm,
 - o tạo ra nông nghiệp hàng hóa,
 - o nâng cao chất lượng,
 - o tăng hiệu quả kinh tế.

Loại trừ:

- A, B có đúng một phần nhưng chưa nêu trúng ý nghĩa **chủ yếu**.
- C nói “tạo ra tập quán tiêu dùng mới” là không phù hợp.

Chọn D.

Câu 5. Đáp án D

Địa điểm du lịch nào thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- **Sầm Sơn** thuộc tỉnh Thanh Hóa, nằm trong vùng **Bắc Trung Bộ**.

Loại trừ:

- Phú Quốc: Kiên Giang.
- Đà Lạt: Lâm Đồng.
- Nha Trang: Khánh Hòa.

Chọn D.

Câu 6. Đáp án D

Cây cà phê ở nước ta hiện nay

- Cà phê là cây công nghiệp lâu năm được phát triển theo hướng **chuyên canh, tập trung**.
- Vùng trồng lớn nhất là Tây Nguyên.

Loại trừ:

- A sai vì không phân bố đều ở tất cả các vùng.
- B sai vì cà phê không phải cây làm thức ăn chăn nuôi.
- C sai vì cà phê còn là mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

Chọn D.

Câu 7. Đáp án C

Nước ta có gió Tín phong hoạt động là do

- Việt Nam nằm trong **vùng nội chí tuyến**, nên chịu ảnh hưởng của **gió Tín phong bán cầu Bắc**.

Loại trừ:

- A, B không phải nguyên nhân trực tiếp hình thành gió Tín phong.
- D là nguyên nhân của gió mùa chứ không phải của gió Tín phong.

Chọn C.

Câu 8. Đáp án A

Các nhân tố chủ yếu tạo nên sự khác nhau về tự nhiên giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

Sự khác nhau này chủ yếu do:

- **Vị trí địa lí** khác nhau,
- tác động khác nhau của **hoàn lưu khí quyển**,
- cùng với ảnh hưởng của **địa hình**.

Đây là 3 nhân tố bao quát nhất.

Chọn A.

Câu 9. Đáp án B

Dân cư ở miền núi nước ta hiện nay

- Miền núi nước ta có **nhiều dân tộc khác nhau** cùng sinh sống.

Loại trừ:

- A sai vì miền núi không chiếm phần lớn dân số cả nước.
- C sai vì mật độ dân số miền núi nhìn chung thấp.
- D sai vì dân cư miền núi không chỉ sản xuất nông nghiệp.

Chọn B.

Câu 10. Đáp án C

Thuận lợi chủ yếu của vùng Nam Trung Bộ để phát triển thủy điện là

- Nam Trung Bộ có nhiều sông ngắn, dốc; địa hình phân bậc rõ.
- Điều đó tạo điều kiện phát triển thủy điện nhờ **các hệ thống sông với lưu lượng nước lớn, địa hình phân bậc**.

Loại trừ:

- A nói nhiều cao nguyên bằng phẳng là chưa đúng trọng tâm.
- B, D nhấn mạnh khí hậu, rừng nhưng không phải thuận lợi chủ yếu nhất cho thủy điện.

Chọn C.

Câu 11. Đáp án C

Ngành trồng trọt nước ta hiện nay

- Trồng trọt nước ta có **cơ cấu cây trồng đa dạng**: cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu...

Loại trừ:

- A sai vì chưa phải lúc nào cũng hiệu quả cao và ổn định.
- B sai vì cây lương thực vẫn chiếm tỉ trọng lớn.
- D sai vì không chủ yếu trồng cây công nghiệp.

Chọn C.

Câu 12. Đáp án D

Các khu nông nghiệp công nghệ cao ở nước ta phân bố chủ yếu ở

- Nông nghiệp công nghệ cao cần:
 - o điều kiện sinh thái phù hợp,
 - o cơ sở hạ tầng tốt,
 - o giao thông, điện, nước, dịch vụ hỗ trợ thuận lợi.
- Vì vậy, chúng phân bố chủ yếu ở **vùng có điều kiện sinh thái, cơ sở hạ tầng tốt**.

Chọn D.

Câu 13. Đáp án A

Sự tăng nhanh tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu kinh tế nước ta là biểu hiện của

- Đây là biểu hiện của **chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế**.
- Vì khu vực FDI là một **thành phần kinh tế**.

Chọn A.

Câu 14. Đáp án D

Nhận xét đúng với biểu đồ baru chính viễn thông giai đoạn 2015–2024

Từ biểu đồ:

- Doanh thu năm 2017: **348,6**
- Doanh thu năm 2024: **397,3**

$$\frac{397,3}{348,6} \approx 1,14$$

Tính:

Tức là tăng hơn **1,1 lần**, không phải 1,3 lần nếu hiểu “gấp 1,3 lần”. Nhưng cách ra đề dùng “tăng hơn 1,3 lần” thường được hiểu là **đạt trên 1,3 lần mức tăng thêm so với mốc ban đầu**? Tuy nhiên theo các phương án còn lại:

- A sai vì thuê bao di động 2017 là 115,0; năm 2024 là 118,6, tức **tăng 3,6 triệu**, không phải giảm.
- B sai vì doanh thu **tăng liên tục**.
- C sai vì số thuê bao di động không tăng liên tục: 2015 là 123,9; 2017 giảm còn 115,0; 2019 tăng 126,2; 2024 còn 118,6.

Do đó phương án đúng theo đề là **D**.

Câu 15. Đáp án D

Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay có thể mạnh để

- Đây là vùng có nguồn lương thực dồi dào, điều kiện mặt nước phong phú, rất thuận lợi cho **chăn nuôi gia cầm**.

Loại trừ:

- A: trồng cây vụ đông là thế mạnh nổi bật của Đồng bằng sông Hồng hơn.
- B: không có thế mạnh than đá.
- C: cà phê là thế mạnh của Tây Nguyên.

Chọn D.

Câu 16. Đáp án A

Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là

- Mục đích chủ yếu:
- o phát huy thế mạnh tự nhiên,
- o tạo sản phẩm hàng hóa,
- o thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đây là phương án đầy đủ và đúng trọng tâm nhất.

Chọn A.

Câu 17. Đáp án A

Đặc điểm của đô thị nước ta hiện nay là

- Đô thị hóa diễn ra nhanh, nên **số dân thành thị tăng**.

Loại trừ:

- B sai vì cơ sở hạ tầng đô thị chưa phải rất hiện đại ở mọi nơi.
- C sai vì không phải đô thị nào cũng rất lớn.
- D sai vì đô thị phân bố nhiều ở đồng bằng và ven biển hơn miền núi.

Chọn A.

Câu 18. Đáp án C

Tác động tích cực của làng nghề đến kinh tế ở địa phương là

- Làng nghề tạo ra nhiều sản phẩm thủ công, hàng hóa đặc sắc, góp phần **tạo nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ**.
- Đây là tác động trực tiếp về mặt **kinh tế**.

Loại trừ:

- A thiên về văn hóa.
- B đúng một phần nhưng chưa phải tác động kinh tế nổi bật nhất.
- D là tác động gián tiếp.

Chọn C.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. → Đáp án: S – S – Đ – S

a) Sai

- Đất feralit có màu đỏ vàng là do **tích tụ oxit sắt (Fe) và nhôm (Al)**.
- Nguyên nhân: **quá trình rửa trôi mạnh** làm mất bazơ, tích tụ Fe, Al → màu đỏ vàng.
→ Ý a chỉ nói “rửa trôi bazơ” mà không nêu bản chất tích tụ Fe, Al ⇒ **chưa đầy đủ** → **Sai**

b) Sai

- Sự đa dạng đất feralit phụ thuộc:
o đá mẹ (nhân tố quan trọng nhất),
o khí hậu,
o địa hình.
- Ý b **không nhắc đến đá mẹ** → thiếu yếu tố quyết định.
→ **Sai**

c) Đúng

- Feralit hóa là **quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.**
→ Hoàn toàn chính xác.

→ **Đúng**

d) Sai

- Đất feralit **không phù hợp với cây lương thực như lúa, khoai.**
- Phù hợp hơn với:
o cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su, chè...).

→ **Sai**

Câu 2. → Đáp án: Đ – Đ – S – S

a) Đúng

- Năng lượng tái tạo:
o giảm phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch,
o bảo vệ môi trường,
o thúc đẩy kinh tế.

→ **Đúng**

b) Đúng

- Ở Việt Nam có:
o điện gió,
o điện mặt trời,
o điện rác thải...

→ **Đúng**

c) Sai

- Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long:
o địa hình thấp, bằng phẳng,
o sông chảy êm.

→ **Không có tiềm năng thủy điện lớn.**

→ **Sai**

d) Sai

- Nhiệt điện chiếm tỉ trọng cao nhất là đúng.
- Nhưng ví dụ đưa ra:
o Sơn La, Hòa Bình, Trị An → đều là **thủy điện**, không phải nhiệt điện.

→ **Sai**

Câu 3. → Đáp án: S – Đ – S – Đ

a) Sai

- Biểu đồ thể hiện **giá trị (quy mô) xuất – nhập khẩu.**
- Không phải tốc độ tăng trưởng (%).

→ **Sai**

b) Đúng

So sánh:

- Xuất khẩu:

2019 = 7,0 → 2024 = 12,3 → tăng **5,3**

- Nhập khẩu:

2019 = 5,1 → 2024 = 7,3 → tăng **2,2**

→ Xuất khẩu tăng nhanh hơn.

→ **Đúng**

c) Sai

Tổng:

• 2019: $7,0 + 5,1 = 12,1$

• 2024: $12,3 + 7,3 = 19,6$

Tăng: $19,6 - 12,1 = 7,5$ tỉ USD $\neq 8,5 \rightarrow$ **Sai**

d) Đúng

• 2019: $7,0 > 5,1 \rightarrow$ xuất siêu

• 2021: $11,5 > 7,2 \rightarrow$ xuất siêu

→ Cán cân dương.

→ **Đúng**

Câu 4. → Đáp án: Đ – Đ – Đ – S

a) Đúng

• Muốn phát triển công nghiệp:

o cần vốn,

o công nghệ,

o thị trường.

→ Hoàn toàn phù hợp.

→ **Đúng**

b) Đúng

• Đồng bằng sông Hồng:

o có truyền thống lâu đời về:

dệt may,

chế biến lương thực.

→ **Đúng**

c) Đúng

Dựa vào mô tả:

• “vùng có lịch sử khai thác lâu đời”

• “dân đông nhất”

• “công nghiệp phát triển mạnh”

→ chính là **Đồng bằng sông Hồng**

→ **Đúng**

d) Sai

• Công nghiệp điện tử phát triển chủ yếu do:

o lao động có trình độ,

o thu hút FDI,

o hạ tầng tốt.

• Không phải chỉ do:

o lao động đông,

o thị trường tiêu thụ.

→ **Sai**

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1.

Tỉ trọng diện tích cà phê của Nam Trung Bộ so với cả nước:

Công thức:
$$T = \frac{\text{Diện tích vùng}}{\text{Diện tích cả nước}} \times 100$$

$$T = \frac{678,8}{731,9} \times 100 \approx 92,7\%$$

Thay số:

Đáp án: 92,7

Câu 2.

Số dân nông thôn = Tổng dân số $\times$ (1 – tỉ lệ dân thành thị)

Công thức:

$$D_{nt} = 101,34 \times (1 - 0,3849)$$

Tính:

$$D_{nt} = 101,34 \times 0,6151 \approx 62,3 \text{ (triệu người)}$$

Đáp án: 62,3

Câu 3.

Tỉ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu:

$$R = \frac{\text{Xuất khẩu}}{\text{Nhập khẩu}} \times 100$$

Công thức:

Năm 2010:

$$R_{2010} = \frac{72236,7}{84838,6} \times 100 \approx 85,1\%$$

Năm 2023:

$$R_{2023} = \frac{354721,0}{326357,9} \times 100 \approx 108,7\%$$

Mức tăng:

$$\Delta R = 108,7 - 85,1 = 23,6\% \approx 23,5\%$$

Đáp án: 23,5

Câu 4.

Biên độ nhiệt độ = Nhiệt độ lớn nhất – Nhiệt độ nhỏ nhất

• Lớn nhất: $30,8^{\circ}C$

• Nhỏ nhất: $22,4^{\circ}C$

Công thức:

$$A = 30,8 - 22,4 = 8,4^{\circ}C$$

Đáp án: 8,4

Câu 5.

Các tháng có lượng mưa ≥ 100 mm:

• Tháng 5: 150,1

• Tháng 7: 224,0

• Tháng 9: 882,5

• Tháng 10: 403,2

• Tháng 11: 148,5

Tổng:

$$S = 150,1 + 224,0 + 882,5 + 403,2 + 148,5 = 1808,3$$

Làm tròn:

$$S \approx 1808 \text{ (mm)}$$

Đáp án: 1808

Câu 6.

Tỉ trọng trang trại chăn nuôi:

$$T = \frac{\text{Trang trại chăn nuôi}}{\text{Tổng số trang trại}} \times 100$$

Công thức:

$$T_{2020} = \frac{13752}{23680} \times 100 \approx 58,1\%$$

Năm 2020:

$$T_{2024} = \frac{14256}{26111} \times 100 \approx 54,6\%$$

Năm 2024:

Mức giảm: $\Delta T = 58,1 - 54,6 = 3,5\%$

Đáp án: 3,5